**Viên chức loại A3:**

- Nhóm 1 (A3.1):

| **Chức danh nghề nghiệp viên chức** |
| --- |
| Kiến trúc sư cao cấp |
| Nghiên cứu viên cao cấp |
| Kỹ sư cao cấp |
| Định chuẩn viên cao cấp |
| Giám định viên cao cấp |
| Dự báo viên cao cấp |
| Giáo sư - Giảng viên cao cấp |
| Bác sĩ cao cấp |
| Dược sĩ cao cấp |
| Biên tập - Biên kịch - Biên dịch viên cao cấp |
| Phóng viên - Bình luận viên cao cấp |
| Đạo diễn cao cấp |
| Diễn viên hạng I |
| Họa sĩ cao cấp |
| Huấn luyện viên cao cấp |
| Điều tra viên cao cấp tài nguyên môi trường |
| Dự báo viên cao cấp khí tượng thủy văn |
| Kiểm soát viên cao cấp khí tượng thủy văn |

- Nhóm 2 (A3.2):

| **Chức danh nghề nghiệp viên chức** |
| --- |
| Lưu trữ viên cao cấp |
| Chẩn đoán viên cao cấp bệnh động vật |
| Dự báo viên cao cấp bảo vệ thực vật |
| Giám định viên cao cấp thuốc bảo vệ thực vật - thú y |
| Kiểm nghiệm viên cao cấp giống cây trồng |
| Phát thanh viên cao cấp |
| Quay phim viên cao cấp (\*) |
| Bảo tàng viên cao cấp |
| Thư viện viên cao cấp |
| Phương pháp viên cao cấp (\*) |
| Âm thanh viên cao cấp (\*) |
| Thư mục viên cao cấp (\*) |
| Điều tra viên cao cấp tài nguyên môi trường |
| Dự báo viên cao cấp khí tượng thủy văn |
| Kiểm soát viên cao cấp khí tượng thủy văn |

**2. Viên chức loại A2:**

- Nhóm 1 (A2.1):

| **Chức danh nghề nghiệp viên chức** |
| --- |
| Kiến trúc sư chính |
| Nghiên cứu viên chính |
| Kỹ sư chính |
| Định chuẩn viên chính |
| Giám định viên chính |
| Dự báo viên chính |
| Phó giáo sư - Giảng viên chính |
| Bác sĩ chính |
| Dược sĩ chính |
| Biên tập - Biên kịch - Biên dịch viên chính |
| Phóng viên - Bình luận viên chính |
| Đạo diễn chính |
| Họa sĩ chính |
| Huấn luyện viên chính |
| Công tác xã hội viên chính |
| Trợ giúp viên pháp lý chính |
| Hộ sinh chính |
| Kỹ thuật viên chính y |
| Y tế công cộng chính |
| Điều dưỡng chính |
| Dân số viên chính |
| Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động |
| Trắc địa bản đồ viên chính |
| Địa chính viên chính |
| Điều tra viên chính tài nguyên môi trường |
| Quan trắc viên chính tài nguyên môi trường |
| Dự báo viên chính khí tượng thủy văn |
| Kiểm soát viên chính khí tượng thủy văn |

- Nhóm 2 (A2.2):

| **Chức danh nghề nghiệp viên chức** |
| --- |
| Lưu trữ viên chính |
| Chẩn đoán viên chính bệnh động vật |
| Dự báo viên chính bảo vệ thực vật |
| Giám định viên chính thuốc bảo vệ thực vật - thú y |
| Kiểm nghiệm viên chính giống cây trồng |
| Giáo viên trung học cao cấp |
| Phát thanh viên chính |
| Quay phim viên chính (\*) |
| Dựng phim viên cao cấp |
| Diễn viên hạng II |
| Bảo tàng viên chính |
| Thư viện viên chính |
| Phương pháp viên chính (\*) |
| Âm thanh viên chính (\*) |
| Thư mục viên chính (\*) |

**3. Viên chức loại A1:**

| **Chức danh nghề nghiệp viên chức** |
| --- |
| Lưu trữ viên |
| Chẩn đoán viên bệnh động vật |
| Dự báo viên bảo vệ thực vật |
| Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật - thú y |
| Kiểm nghiệm viên giống cây trồng |
| Kiến trúc sư |
| Nghiên cứu viên |
| Kỹ sư |
| Định chuẩn viên |
| Giám định viên |
| Dự báo viên |
| Quan trắc viên chính |
| Giảng viên |
| Giáo viên trung học (1) |
| Bác sĩ (2) |
| Y tá cao cấp |
| Nữ hộ sinh cao cấp |
| Kỹ thuật viên cao cấp y |
| Dược sĩ |
| Biên tập - Biên kịch - Biên dịch viên |
| Phóng viên - Bình luận viên |
| Quay phim viên (\*) |
| Dựng phim viên chính |
| Đạo diễn |
| Họa sĩ |
| Bảo tàng viên |
| Thư viện viên |
| Phương pháp viên (\*) |
| Hướng dẫn viên chính |
| Tuyên truyền viên chính |
| Huấn luyện viên |
| Âm thanh viên (\*) |
| Thư mục viên (\*) |
| Công tác xã hội viên |
| Trợ giúp viên pháp lý |
| Hộ sinh |
| Kỹ thuật viên y |
| Y tế công cộng |
| Điều dưỡng |
| Dân số viên |
| Giáo viên tiểu học cao cấp |
| Giáo viên mầm non cao cấp |
| Giáo viên trung học cơ sở chính |
| Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động |
| Trắc địa bản đồ viên |
| Địa chính viên |
| Điều tra viên tài nguyên môi trường |
| Quan trắc viên tài nguyên môi trường |
| Dự báo viên khí tượng thủy văn |
| Kiểm soát viên khí tượng thủy văn |

**4. Viên chức loại Ao:**

| **Chức danh nghề nghiệp viên chức** |
| --- |
| Giáo viên trung học cơ sở (cấp 2) (\*) |
| Phát thanh viên (\*) |
| Công tác xã hội viên cao đẳng |
| Hộ sinh cao đẳng |
| Kỹ thuật viên cao đẳng y |
| Điều dưỡng cao đẳng |
| Dân số viên cao đẳng |
| Trắc địa bản đồ viên cao đẳng |
| Địa chính viên cao đẳng |
| Điều tra viên cao đẳng tài nguyên môi trường |
| Quan trắc viên cao đẳng tài nguyên môi trường |
| Kiểm soát viên cao đẳng khí tượng thủy văn |
| Dự báo viên cao đẳng khí tượng thủy văn |

Các chức danh nghề nghiệp viên chức sự nghiệp khác yêu cầu trình độ đào tạo cao đẳng (hoặc cử nhân cao đẳng), các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đề nghị Bộ Nội vụ ban hành chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch và hướng dẫn xếp lương cho phù hợp (viên chức loại A0 khi có đủ điều kiện được thi nâng ngạch lên viên chức loại A2 nhóm 2 trong cùng ngành chuyên môn).

**5. Viên chức loại B:**

| **Chức danh nghề nghiệp viên chức** |
| --- |
| Lưu trữ viên trung cấp |
| Kỹ thuật viên lưu trữ |
| Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật |
| Kỹ thuật viên dự báo bảo vệ thực vật |
| Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật - thú y |
| Kỹ thuật viên kiểm nghiệm giống cây trồng |
| Kỹ thuật viên |
| Quan trắc viên |
| Giáo viên tiểu học |
| Giáo viên mầm non (3) |
| Y sĩ |
| Y tá chính |
| Nữ hộ sinh chính |
| Kỹ thuật viên chính y |
| Dược sĩ trung cấp |
| Kỹ thuật viên chính dược |
| Dựng phim viên |
| Diễn viên hạng III |
| Họa sỹ trung cấp |
| Kỹ thuật viên bảo tồn, bảo tàng |
| Thư viện viên trung cấp |
| Hướng dẫn viên (ngành văn hóa - thông tin) |
| Tuyên truyền viên |
| Hướng dẫn viên (ngành thể dục thể thao) |
| Nhân viên công tác xã hội |
| Hộ sinh trung cấp |
| Kỹ thuật viên trung cấp y |
| Điều dưỡng trung cấp |
| Dân số viên trung cấp |
| Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động |
| Trắc địa bản đồ viên trung cấp |
| Địa chính viên trung cấp |
| Điều tra viên trung cấp tài nguyên môi trường |
| Dự báo viên trung cấp khí tượng thủy văn |
| Kiểm soát viên trung cấp khí tượng thủy văn |
| Quan trắc viên trung cấp tài nguyên môi trường |

**6. Viên chức loại C:**

- Nhóm 1 (C1):

| **Chức danh nghề nghiệp viên chức** |
| --- |
| Quan trắc viên sơ cấp |
| Y tá |
| Nữ hộ sinh |
| Kỹ thuật viên y |
| Hộ lý |
| Dược tá |
| Kỹ thuật viên dược |
| Công tác xã hội viên sơ cấp |
| Hộ sinh sơ cấp |
| Kỹ thuật viên sơ cấp y |
| Điều dưỡng sơ cấp |
| Dân số viên sơ cấp |
| Quan trắc viên sơ cấp tài nguyên môi trường |

- Nhóm 2 (C2): Ngạch nhân viên nhà xác

- Nhóm 3 (C3): Ngạch Y công.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Ghi chú:*

Các ngạch đánh dấu (\*) là có thay đổi về phân loại viên chức.

(1) Giáo viên trung học cơ sở xếp lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức loại A0.

(2) Đối với ngạch bác sĩ: Trường hợp học nội trú khi tốt nghiệp được tuyển dụng vào ngạch bác sĩ thì trong thời gian thử việc được hưởng lương thử việc tính trên cơ sở mức lương bậc 2 của ngạch bác sĩ; hết thời gian thử việc được bổ nhiệm vào ngạch bác sĩ thì được xếp lương vào bậc 2 của ngạch bác sĩ, thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày được bổ nhiệm vào ngạch bác sĩ.

Lương y xếp lương như y, bác sĩ có cùng yêu cầu trình độ đào tạo.

(3) Giáo viên mầm non chưa đạt chuẩn thì xếp lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức loại C nhóm 1.